

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ vào điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 455/2020/TLST-HNGĐ ngày
06 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những
người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1989

Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: 1B Đường B, Phường S, Quận T – TP. H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày
03/12/2020, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Phạm Hồng T xác
định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly
hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Phạm Hồng T xác định có
hai con chung tên: Phạm Khả H, sinh ngày 07/11/2014 và Phạm Gia T, sinh ngày
12/4/2018. Hai bên thỏa thuận, giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi
dưỡng, giáo dục. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng
4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 30
(dương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 30/12/2020 cho đến khi các
con chung lần lượt thành niên.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Phạm Hồng T xác nhận không có.

[4] Về lệ phí: Ông Phạm Hồng T tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Phạm Hồng T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T cấp ngày 27/02/2014).

- Về con chung: Giao cả hai con chung tên: Phạm Khả H, sinh ngày 07/11/2014 và Phạm Gia T, sinh ngày 12/4/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 30 (đương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 30/12/2020 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Phạm Hồng T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Hồng T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035963 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Thị Kiều